

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 34
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà xuất bản Giáo dục và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304952106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 23/11/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/04/2025
Ông Lê Huy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 10/04/2025
Ông Đinh Gia Lê	Thành viên	
Bà Lê Phương Mai	Thành viên	
Ông Nguyễn Phong Yên	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Phương Mai	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Phong Yên	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2025
Bà Bùi Thu Giang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/11/2025
Bà Mai Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/06/2025
Bà Phạm Lan Anh	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Chanh	Thành viên
Bà Lê Thị Tuyết Minh	Thành viên

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là bà Lê Phương Mai - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Phương Mai

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 12 tháng 03 năm 2025.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AAC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Phạm Văn Sang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3864-2025-002-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>473.028.861.324</b>	<b>506.663.217.988</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>157.105.314.395</b>	<b>96.240.197.333</b>
111	1. Tiền		26.875.203.245	23.240.197.333
112	2. Các khoản tương đương tiền		130.230.111.150	73.000.000.000
130	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>124.082.937.856</b>	<b>152.714.248.789</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	128.298.343.113	157.361.676.535
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	1.772.025.728	534.172.834
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	287.334.073	3.599.998.981
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.274.765.058)	(8.781.599.561)
140	<b>III. Hàng tồn kho</b>	09	<b>189.938.242.339</b>	<b>256.553.584.894</b>
141	1. Hàng tồn kho		284.754.204.662	315.881.287.825
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(94.815.962.323)	(59.327.702.931)
150	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.902.366.734</b>	<b>1.155.186.972</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.902.366.734	1.155.186.972
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>94.972.247.754</b>	<b>100.355.100.398</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>22.222.369.898</b>	<b>22.222.369.898</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	22.222.369.898	22.222.369.898
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>50.873.796.533</b>	<b>54.776.306.719</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	50.873.796.533	54.776.306.719
222	- Nguyên giá		77.196.467.611	78.604.311.297
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.322.671.078)	(23.828.004.578)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		1.839.737.688	1.839.737.688
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.839.737.688)	(1.839.737.688)
250	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>770.000.000</b>	<b>770.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		770.000.000	770.000.000
260	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>21.106.081.323</b>	<b>22.586.423.781</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	21.106.081.323	22.586.423.781
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>568.001.109.078</b>	<b>607.018.318.386</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>216.473.332.138</b>	<b>273.149.526.052</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>216.473.332.138</b>	<b>273.149.526.052</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	56.404.943.769	43.068.573.137
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.707.354.033	2.488.330.529
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9.109.844.982	21.666.609.389
314	4. Phải trả người lao động		15.743.704.959	36.085.251.964
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	46.238.732.677	92.216.567.385
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	524.309.255	92.592.200
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	65.746.670.808	53.416.894.433
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		20.997.771.655	24.114.707.015
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>351.527.776.940</b>	<b>333.868.792.334</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>351.527.776.940</b>	<b>333.868.792.334</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(71.500.000)	(71.500.000)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(11.541.426.210)	(11.541.426.210)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		211.272.904.798	192.977.228.612
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.886.452.483	1.886.452.483
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		49.981.345.869	50.618.037.449
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		13.778.761.263	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		36.202.584.606	50.618.037.449
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>568.001.109.078</b>	<b>607.018.318.386</b>

Nguyễn Thị Phương  
Người lập

Phạm Lan Anh  
Kế toán trưởng



Lê Phương Mai  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.110.880.261.808	1.337.505.037.043
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	10.168.621.936	6.271.499.227
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.100.711.639.872	1.331.233.537.816
11	4. Giá vốn hàng bán	23	829.282.784.700	1.021.823.786.446
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		271.428.855.172	309.409.751.370
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.728.744.063	4.886.096.583
22	7. Chi phí tài chính	25	3.738.873.788	4.954.336.090
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.049.428.064	3.308.853.208
25	8. Chi phí bán hàng	26	169.462.638.419	154.596.347.258
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	51.555.989.611	76.278.479.052
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		49.400.097.417	78.466.685.553
31	11. Thu nhập khác	28	879.629.630	354.545.455
32	12. Chi phí khác	29	1.509.074.480	153.628.595
40	13. Lợi nhuận khác		(629.444.850)	200.916.860
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		48.770.652.567	78.667.602.413
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	12.568.067.961	17.682.015.126
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>36.202.584.606</u>	<u>60.985.587.287</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	3.905	5.459




Nguyễn Thị Phương  
Người lập



Phạm Lan Anh  
Kế toán trưởng



  
Lê Phương Mai  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.079.139.499.896	1.235.826.709.069
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(910.374.576.945)	(1.103.628.283.411)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(55.967.828.886)	(57.887.487.498)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(3.179.479.830)	(3.068.769.346)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(24.746.526.072)	(10.527.876.635)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		288.691.919	11.183.454.475
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(21.097.808.465)	(22.443.792.665)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		64.061.971.617	49.453.953.989
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.949.337.278)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		879.629.630	354.545.455
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.146.601.940	950.506.779
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.026.231.570	(644.285.044)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		163.508.879.243	162.856.564.878
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(151.179.102.868)	(179.794.906.145)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.552.862.500)	(13.898.437.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.223.086.125)	(30.836.778.767)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		60.865.117.062	17.972.890.178
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		96.240.197.333	78.267.307.155
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	157.105.314.395	96.240.197.333

Nguyễn Thị Phương  
Người lập

Phạm Lan Anh  
Kế toán trưởng

Lê Phương Mai  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà xuất bản Giáo dục và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304952106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 23/11/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2025 là 100.000.000.000 VND; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 116 người (tại ngày 01/01/2025 là 117 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành;
- Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành).

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Nhu cầu thị trường đối với một số mặt hàng năm nay giảm mạnh kéo theo doanh thu năm nay giảm 226,62 tỷ VND, tương đương tỷ lệ 16,94% so với năm trước, giá vốn năm nay giảm 192,54 tỷ VND, tương đương tỷ lệ 18,84% so với năm trước, dẫn đến Lợi nhuận gộp năm nay giảm 37,98 tỷ VND, tương đương tỷ lệ 12,28% so với năm trước.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### **2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

### **2.5 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.





## 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 06	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	03	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm



## **2.10 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

## **2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

## **2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.



#### 2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### 2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: phí bản quyền, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01/01/2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

#### 2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.



#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

### **2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### **2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### **b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

### **2.23 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



## 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.25 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là phát hành sách và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	198.187.658	162.942.812
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.677.015.587	23.077.254.521
Các khoản tương đương tiền (*)	130.230.111.150	73.000.000.000
	<b>157.105.314.395</b>	<b>96.240.197.333</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 02 tháng có giá trị 130.230.111.150 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,25%/năm đến 4,75%/năm.

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần	770.000.000	-	770.000.000	-
Dịch vụ Xuất bản				
Giáo dục Gia Định				
	<b>770.000.000</b>	<b>-</b>	<b>770.000.000</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trong năm:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Hồ Chí Minh	7,50%	7,50%	Biên soạn, biên tập, dịch thuật

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>15.683.093.574</b>	<b>(37.405.762)</b>	<b>24.785.514.630</b>	<b>(228.140.631)</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.980.180.010	-	7.419.418.561	(80.575.551)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	37.343.200	(26.140.240)	37.343.200	(18.671.600)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	2.128.686.915	-	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	2.472.504.646	-	2.769.899.952	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	8.778.310	-	-	-
Công ty Cổ phần Học liệu	575.722.185	-	3.050.743.401	(3.034.647)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	2.378.223.736	-	3.637.815.039	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	25.741.843	(11.265.522)	25.741.843	(457.681)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	131.207.500	-	81.760.799	-
Công ty Cổ phần Sách thiết bị trường học Thành phố Cần Thơ	1.402.507.362	-	5.150.327.638	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	2.612.776.089	-	2.442.037.317	(125.401.152)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bến Tre	929.421.778	-	154.957.731	-
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị giáo dục Bình Dương	-	-	15.469.149	-
<b>Bên khác</b>	<b>112.615.249.539</b>	<b>(6.237.359.296)</b>	<b>132.576.161.905</b>	<b>(8.553.458.930)</b>
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường Học Tiền Giang	15.526.021.671	-	23.930.579.225	-
Công ty TNHH MTV Phan Đăng	13.896.585.814	-	-	-
Cửa hàng Sách và Thiết bị giáo dục 261	185.513.620	-	25.272.925.723	-
Các đối tượng khác	83.007.128.434	(6.237.359.296)	83.372.656.957	(8.553.458.930)
	<b>128.298.343.113</b>	<b>(6.274.765.058)</b>	<b>157.361.676.535</b>	<b>(8.781.599.561)</b>

Tổng giá trị các khoản phải thu dùng để thế chấp bảo đảm các khoản vay tại thời điểm 31/12/2025 tối thiểu là 70.000.000.000 VND.



**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>1.197.195.416</b>	-	<b>397.195.416</b>	-
Viện Nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục	1.197.195.416	-	397.195.416	-
<b>Bên khác</b>	<b>574.830.312</b>	-	<b>136.977.418</b>	-
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam	195.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	-	-	75.900.000	-
Các đối tượng khác	379.830.312	-	61.077.418	-
	<b>1.772.025.728</b>	-	<b>534.172.834</b>	-

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	15.094.073	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	272.240.000	-	528.121.000	-
Phải thu nhân viên thuế TNCN	-	-	3.071.877.981	-
	<b>287.334.073</b>	-	<b>3.599.998.981</b>	-
<b>b) Dài hạn</b>				
Phải thu về hợp tác kinh doanh (*)	22.222.369.898	-	22.222.369.898	-
	<b>22.222.369.898</b>	-	<b>22.222.369.898</b>	-
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan</b>				
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	22.222.369.898	-	22.222.369.898	-
	<b>22.222.369.898</b>	-	<b>22.222.369.898</b>	-

(\*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011, Phụ lục số 01 ngày 01/07/2014 và Phụ lục số 02 ngày 15/12/2018:

- Nội dung hợp tác kinh doanh: Góp vốn đầu tư xây dựng Dự án để sử dụng làm văn phòng làm việc hoặc khai thác kinh doanh tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các bên tham gia: Công ty, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ("NXB Giáo dục") và Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam ("TBGD Miền Nam");
- Tổng vốn đầu tư: 50.000.000.000 VND;
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền theo tỷ lệ: NXB Giáo dục góp 25%; TBGD Miền Nam góp 30% và Công ty góp 45%;
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: Phân chia doanh thu, chi phí trước thuế TNDN theo tỷ lệ: NXB Giáo dục hưởng 37,5%, TBGD Miền Nam hưởng 25% và Công ty hưởng 37,5%;
- Tình hình của hợp đồng tại ngày 31/12/2025: Tòa nhà đã đưa vào sử dụng và đang được khai thác cho thuê.

**8 . NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
<b>Phải thu của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Phú Yên	1.153.812.318	346.143.695	1.448.503.358	528.289.007
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Sơn La	940.976.502	-	940.976.502	17.237.700
Các đối tượng khác	9.091.168.034	4.565.048.101	10.513.114.153	3.575.467.745
	<b>11.185.956.854</b>	<b>4.911.191.796</b>	<b>12.902.594.013</b>	<b>4.120.994.452</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	50.619.340.782	(952.390.837)	28.881.715.830	(747.882.525)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.195.558.680	-	6.171.843.138	-
Thành phẩm	45.832.257.602	(19.362.818.673)	58.383.288.065	(16.502.098.281)
Hàng hoá	180.107.047.598	(74.500.752.813)	222.444.440.792	(42.077.722.125)
	<b>284.754.204.662</b>	<b>(94.815.962.323)</b>	<b>315.881.287.825</b>	<b>(59.327.702.931)</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 138.001.464.433 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp bảo đảm cho các khoản vay tại thời điểm 31/12/2025 tối thiểu là 90.000.000.000 VND.



**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	58.772.601.672	3.960.756.230	15.497.418.827	373.534.568	78.604.311.297
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.407.843.686)	-	(1.407.843.686)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>58.772.601.672</b>	<b>3.960.756.230</b>	<b>14.089.575.141</b>	<b>373.534.568</b>	<b>77.196.467.611</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	6.390.379.964	3.090.536.709	13.973.553.337	373.534.568	23.828.004.578
- Khấu hao trong năm	2.382.511.575	870.219.521	649.779.090	-	3.902.510.186
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.407.843.686)	-	(1.407.843.686)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.772.891.539</b>	<b>3.960.756.230</b>	<b>13.215.488.741</b>	<b>373.534.568</b>	<b>26.322.671.078</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	52.382.221.708	870.219.521	1.523.865.490	-	54.776.306.719
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>49.999.710.133</b>	<b>-</b>	<b>874.086.400</b>	<b>-</b>	<b>50.873.796.533</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.474.528.660 VND.

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là Chương trình phần mềm với Nguyên giá và Hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2025 lần lượt là 1.839.737.688 VND và 1.839.737.688 VND. Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.839.737.688 VND.



**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	1.701.587.540	-
Chi phí tổ chức, bán thảo	200.779.194	926.226.972
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	228.960.000
	<u>1.902.366.734</u>	<u>1.155.186.972</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí thuê đất (*)	20.594.131.323	21.324.273.781
Chi phí bảo hiểm	511.950.000	1.262.150.000
	<u>21.106.081.323</u>	<u>22.586.423.781</u>

(\*) Công ty thuê đất tại Lô A5-2, Đường D4-N2, Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Xã Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTD/SCD-2018 ngày 19/01/2018 với diện tích 12.571,9 m2, thời hạn thuê đến ngày 16/12/2054. Công ty đã thanh toán trước tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê.



13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>33.364.120.828</b>	<b>33.364.120.828</b>	<b>20.233.997.478</b>	<b>20.233.997.478</b>
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	27.520.516.883	27.520.516.883	14.763.189.196	14.763.189.196
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	-	-	773.199.410	773.199.410
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	-	-	182.842.400	182.842.400
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	-	-	99.072.000	99.072.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.582.470.801	2.582.470.801	2.145.332.328	2.145.332.328
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	3.025.470.904	3.025.470.904	1.999.656.464	1.999.656.464
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	235.662.240	235.662.240	94.705.680	94.705.680
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	-	-	176.000.000	176.000.000
<b>Bên khác</b>	<b>23.040.822.941</b>	<b>23.040.822.941</b>	<b>22.834.575.659</b>	<b>22.834.575.659</b>
Công ty Cổ phần Giấy MH	18.966.024.894	18.966.024.894	-	-
Công ty Cổ phần Giấy CP	448.175	448.175	17.086.901.684	17.086.901.684
Công ty Cổ phần Major Academy	192.480.400	192.480.400	941.465.000	941.465.000
Các đối tượng khác	3.881.869.472	3.881.869.472	4.806.208.975	4.806.208.975
	<b>56.404.943.769</b>	<b>56.404.943.769</b>	<b>43.068.573.137</b>	<b>43.068.573.137</b>

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>33.396.000</b>	-
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị giáo dục Bình Dương	33.396.000	-
<b>Bên khác</b>	<b>1.673.958.033</b>	<b>2.488.330.529</b>
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Vĩnh Long	-	338.835.484
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Bình Phước	-	306.985.263
Các đối tượng khác	1.673.958.033	1.842.509.782
	<b>1.707.354.033</b>	<b>2.488.330.529</b>

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế Giá trị gia tăng	306.860.725	2.253.553.987	2.376.908.625	183.506.087
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.927.996.540	12.568.067.961	24.746.526.072	2.749.538.429
Thuế Thu nhập cá nhân	6.431.752.124	10.175.058.015	10.430.009.673	6.176.800.466
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.354.864.576	1.354.864.576	-
	<b>21.666.609.389</b>	<b>26.355.544.539</b>	<b>38.912.308.946</b>	<b>9.109.844.982</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>		
Chi phí lãi vay	212.852.410	342.904.176
Phí bản quyền và chi phí bản thảo, biên tập	45.756.650.161	90.120.444.312
Chi phí phải trả khác	269.230.106	1.753.218.897
	<b>46.238.732.677</b>	<b>92.216.567.385</b>
<b>b) Trong đó: Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	-	977.682.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	47.208.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	39.948.233.346	53.076.950.414
	<b>39.995.441.346</b>	<b>54.054.632.914</b>

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Kinh phí công đoàn	-	83.329.700
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	9.262.500
Thuế TNCN phải trả nhân viên	524.309.255	-
	<b>524.309.255</b>	<b>92.592.200</b>



18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn - Bên khác</b>						
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (1)	27.805.916.473	27.805.916.473	114.947.102.937	100.409.288.156	42.343.731.254	42.343.731.254
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) (2)	25.610.977.960	25.610.977.960	30.561.776.306	50.769.814.712	5.402.939.554	5.402.939.554
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (3)	-	-	18.000.000.000	-	18.000.000.000	18.000.000.000
	<b>53.416.894.433</b>	<b>53.416.894.433</b>	<b>163.508.879.243</b>	<b>151.179.102.868</b>	<b>65.746.670.808</b>	<b>65.746.670.808</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Số dư nợ gốc tại	
					31/12/2025	01/01/2025
					VND	VND
(1) Thỏa thuận chung về Tiềm ích số VNM 151027 ngày 28/08/2015 và các bản sửa đổi	Theo từng Giấy nhận nợ	Không quá 12 tháng	Tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp bảo lãnh	Thế chấp hàng tồn kho	42.343.731.254	27.805.916.473
(2) Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/23-08 ngày 07/02/2023	Theo từng Giấy nhận nợ	Tối đa 07 tháng	Tài trợ cho mục đích kinh doanh bình thường và/hoặc các nhu cầu về vốn lưu động	Thế chấp các khoản phải thu	5.402.939.554	25.610.977.960
(3) Hợp đồng tín dụng thương mại số FA/HCM /2019/003/PHUONGNAM ngày 22/03/2019	Theo từng Giấy nhận nợ	Tối đa 210 ngày	Tài trợ cho mục đích mua hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh	Thế chấp các khoản phải thu	18.000.000.000	-
					<b>65.746.670.808</b>	<b>53.416.894.433</b>

## 19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	172.691.066.328	1.886.452.483	34.193.862.284	297.158.454.885
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	60.985.587.287	60.985.587.287
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.907.700.000)	(13.907.700.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	20.286.162.284	-	(20.286.162.284)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(10.367.549.838)	(10.367.549.838)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	192.977.228.612	1.886.452.483	50.618.037.449	333.868.792.334
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	192.977.228.612	1.886.452.483	50.618.037.449	333.868.792.334
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	36.202.584.606	36.202.584.606
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(18.543.600.000)	(18.543.600.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	18.295.676.186	-	(18.295.676.186)	-
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	211.272.904.798	1.886.452.483	49.981.345.869	351.527.776.940

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 19/NQĐHCD-SED ngày 10/04/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2024:	60.985.587.287	VND
- Chia cổ tức bằng tiền (20%/cổ phiếu):	18.543.600.000	VND
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành:	10.367.549.838	VND
(17%/lợi nhuận sau thuế)		
+ Trong đó: Đã trích trong năm 2024:	10.367.549.838	VND
- Trích Quỹ đầu tư phát triển (30%/lợi nhuận sau thuế):	18.295.676.186	VND
- Lợi nhuận chưa phân phối:	13.778.761.263	VND

### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43,39	43.390.000.000	43,39	43.390.000.000
Các cổ đông khác	49,33	49.328.000.000	49,33	49.328.000.000
Cổ phiếu quỹ	7,28	7.282.000.000	7,28	7.282.000.000
	100	100.000.000.000	100	100.000.000.000



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	9.262.500	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.543.600.000	13.907.700.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(18.552.862.500)	(13.898.437.500)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	9.262.500

d) Cổ phần

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
- Cổ phần phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần được mua lại		
- Cổ phần phổ thông	728.200	728.200
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
- Cổ phần phổ thông	9.271.800	9.271.800
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	211.272.904.798	192.977.228.612
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.886.452.483	1.886.452.483
	213.159.357.281	194.863.681.095

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê văn phòng, kho như sau:

STT	Vị trí	Diện tích (m2)	Thời hạn thuê
1	231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh	386,88	Đến 31/12/2026
2	133 Dương Bá Trạc, Phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh	203,00	Đến 16/05/2030

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đồng Tháp	472.504.475	-
Các đối tượng khác	3.255.225.221	-
	3.727.729.696	-

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu hàng hóa	678.236.903.567	826.588.796.361
Doanh thu thành phẩm	432.643.358.241	510.916.240.682
	<b>1.110.880.261.808</b>	<b>1.337.505.037.043</b>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)	<b>275.027.812.456</b>	<b>444.585.070.448</b>

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.649.839.359	5.665.756.556
Hàng bán bị trả lại	4.518.782.577	605.742.671
	<b>10.168.621.936</b>	<b>6.271.499.227</b>
<b>Trong đó: Các khoản giảm trừ đối với các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)	<b>444.689.190</b>	<b>1.345.669.730</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	583.774.247.027	713.638.165.816
Giá vốn của thành phẩm đã bán	210.020.278.281	290.728.013.472
Trích/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	35.488.259.392	17.457.607.158
	<b>829.282.784.700</b>	<b>1.021.823.786.446</b>
<b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)	<b>720.136.595.612</b>	<b>863.940.827.177</b>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.069.296.013	749.562.335
Chiết khấu thanh toán	567.048.050	3.944.034.248
Cổ tức, lợi nhuận được chia	92.400.000	192.500.000
	<b>2.728.744.063</b>	<b>4.886.096.583</b>
<b>Trong đó: Nhận từ các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)	<b>617.653.050</b>	<b>4.136.534.248</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.049.428.064	3.308.853.208
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	689.445.724	1.645.482.882
	<b>3.738.873.788</b>	<b>4.954.336.090</b>
<b>Trong đó: Chi trả cho các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)	<b>113.705.344</b>	<b>459.210.634</b>



**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.619.560.646	7.094.485.950
Chi phí nhân công	26.763.320.500	43.122.961.038
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.252.731.094	3.702.763.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.972.835.659	88.332.807.292
Chi phí khác bằng tiền	9.854.190.520	12.343.329.328
	<b>169.462.638.419</b>	<b>154.596.347.258</b>
<b>Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)	<b>20.278</b>	<b>1.895.312.762</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.756.307	-
Chi phí nhân công	27.015.513.188	42.922.489.995
Chi phí khấu hao tài sản cố định	649.779.092	593.664.510
Chi phí dự phòng	1.220.895.193	1.841.992.124
Thuế, phí, và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.397.616.957	12.179.886.226
Chi phí khác bằng tiền	11.209.428.874	18.736.446.197
	<b>51.555.989.611</b>	<b>76.278.479.052</b>
<b>Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)	<b>979.093.970</b>	<b>547.906.761</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	879.629.630	354.545.455
	<b>879.629.630</b>	<b>354.545.455</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thuế GTGT truy thu	154.209.904	-
Chi phí khác	1.354.864.576	153.628.595
	<b>1.509.074.480</b>	<b>153.628.595</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	48.770.652.567	78.667.602.413
Các khoản điều chỉnh tăng	1.854.247.645	6.164.880.284
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	1.854.247.645	6.164.880.284
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.715.646.663)	(192.500.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(92.400.000)	(192.500.000)
- <i>Các khoản chi phí đã tính thuế các năm trước</i>	(5.623.246.663)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	44.909.253.549	84.639.982.697
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>8.981.850.710</b>	<b>16.927.996.539</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	3.586.217.251	754.018.587
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	14.927.996.540	7.773.858.049
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(24.746.526.072)	(10.527.876.635)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>2.749.538.429</b>	<b>14.927.996.540</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.202.584.606	60.985.587.287
Các khoản điều chỉnh	-	(10.367.549.838)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(10.367.549.838)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	36.202.584.606	50.618.037.449
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.271.800	9.271.800
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.905</b>	<b>5.459</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	107.236.585.258	65.697.163.452
Chi phí nhân công	53.778.833.688	81.695.677.053
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.902.510.186	4.296.428.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	232.161.088.425	287.970.746.764
Chi phí khác bằng tiền	23.432.573.833	57.651.499.303
<b></b>	<b>420.511.591.390</b>	<b>497.311.514.732</b>



### 33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	156.907.126.737	-	-	156.907.126.737
Phải thu khách hàng, phải thu khác	122.310.912.128	22.222.369.898	-	144.533.282.026
	<b>279.218.038.865</b>	<b>22.222.369.898</b>	<b>-</b>	<b>301.440.408.763</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.077.254.521	-	-	96.077.254.521
Phải thu khách hàng, phải thu khác	152.180.075.955	22.222.369.898	-	174.402.445.853
	<b>248.257.330.476</b>	<b>22.222.369.898</b>	<b>-</b>	<b>270.479.700.374</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Vay và nợ	65.746.670.808	-	-	65.746.670.808
Phải trả người bán, phải trả khác	56.929.253.024	-	-	56.929.253.024
Chi phí phải trả	46.238.732.677	-	-	46.238.732.677
	<b>168.914.656.509</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>168.914.656.509</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Vay và nợ	53.416.894.433	-	-	53.416.894.433
Phải trả người bán, phải trả khác	43.161.165.337	-	-	43.161.165.337
Chi phí phải trả	92.216.567.385	-	-	92.216.567.385
	<b>188.794.627.155</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>188.794.627.155</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	163.508.879.243	162.856.564.878
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	151.179.102.868	179.794.906.145

#### 35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

#### 36 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của cổ đông lớn
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của cổ đông lớn
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của cổ đông lớn
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của cổ đông lớn
Viện Nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục	Đơn vị trực thuộc của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	Công ty con của cổ đông lớn



Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau (Tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Học liệu	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Thành phố Cần Thơ	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần In - Phát hành Sách và Thiết bị trường học Quảng Nam	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bến Tre	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị giáo dục Bình Dương	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển giáo dục	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục trải nghiệm Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục ECI	Cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt



Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>275.027.812.456</b>	<b>444.585.070.448</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.687.284.838	4.470.942.700
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	8.515.854	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	20.092.229.962	111.106.004.320
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	2.923.987.575	5.546.938.542
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	12.647.011.300	4.742.841.458
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP Hồ Chí Minh	157.549.545.992	221.638.655.323
Công ty Cổ phần Học liệu	2.724.978.784	3.359.973.500
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	47.837.640	455.968.335
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	514.800	2.761.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	6.857.477.002	11.478.619.555
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	3.983.773.197	4.954.954.090
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	10.016.304.067	12.565.111.950
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Thành phố Cần Thơ	8.221.394.815	9.842.509.301
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	123.542.960	10.072.560
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	4.747.360.136	2.197.730.374
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	492.098.100	384.202.800
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bến Tre	40.903.955.434	51.827.784.440
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>444.689.190</b>	<b>1.345.669.730</b>
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	347.269.160	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP Hồ Chí Minh	-	1.125.768.732
Công ty Cổ phần Học liệu	-	1.213.600
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	38.887.680	7.410.000
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Thành phố Cần Thơ	3.150.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bến Tre	55.382.350	211.277.398
<b>Mua hàng hóa, vật tư</b>	<b>720.136.595.612</b>	<b>863.940.827.177</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.286.652.309	5.300.997.520
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	601.025.866.080	740.233.259.552
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	12.137.143	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	-	31.416.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	517.215.018	15.591.736.900
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	1.162.413.865	464.824.649
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP Hồ Chí Minh	7.514.295.666	22.452.082.364
Công ty Cổ phần Học liệu	-	17.095.360
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	5.940.000	381.382.553
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	451.643.360	568.396.480
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	329.642.589	1.589.350.285
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	63.795.350.277	48.216.388.456
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	-	232.583.065
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Thành phố Cần Thơ	18.272.973	165.637.191
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	36.197.483.046	24.035.146.852
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	105.928.500	261.942.000
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	6.631.725.540	1.885.330.740
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bến Tre	82.029.246	1.829.337.210
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	-	683.920.000



	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>617.653.050</b>	<b>4.136.534.248</b>
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	525.253.050	3.944.034.248
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	92.400.000	192.500.000
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>113.705.344</b>	<b>459.210.634</b>
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	-	282.906.146
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	78.332.686	100.184.203
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bến Tre	35.372.658	76.120.285
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>20.278</b>	<b>1.895.312.762</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	90.909.091
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	-	241.760.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	20.278	341.214.490
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	778.936.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	342.724.463
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	-	99.768.518
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>979.093.970</b>	<b>547.906.761</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	95.454.541	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	883.639.429	547.906.761

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
<b>Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt</b>		<b>8.141.336.047</b>	<b>6.116.175.660</b>
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 10/04/2025)	90.000.000	-
Ông Lê Huy	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 10/04/2025)	305.000.000	269.956.636
Ông Đinh Gia Lê	Thành viên HĐQT	270.000.000	227.973.982
Bà Lê Phương Mai	Thành viên HĐQT	170.000.000	227.973.982
Ông Nguyễn Phong Yên	Thành viên HĐQT	170.000.000	227.973.982
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên HĐQT	270.000.000	188.980.486
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc		6.670.336.047	4.836.333.938
Thù lao của Ban kiểm soát		196.000.000	136.982.655

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

### 37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán.



Nguyễn Thị Phương  
Người lập



Phạm Lan Anh  
Kế toán trưởng



Lê Phương Mai  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026